

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Tài chính doanh nghiệp là gì và vai trò của quản lý tài chính trong doanh nghiệp quan trọng như thế nào? Mục tiêu của quản lý tài chính là gì? Hoạt động tài chính doanh nghiệp không thể tách rời các quan hệ trao đổi tồn tại giữa các doanh nghiệp, các đơn vị kinh tế, do đó, không thể xem xét tài chính của các doanh nghiệp nếu không đặt chúng trong một môi trường nhất định. Đó là những vấn đề trọng tâm cần được làm rõ trước khi nghiên cứu tài chính doanh nghiệp và quản lý tài chính doanh nghiệp. Đây cũng chính là những nội dung chủ yếu được đề cập trong chương này.

1.1. Doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm và phân loại

Doanh nghiệp là chủ thể kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, hoạt động kinh doanh trên thị trường nhằm làm tăng giá trị của chủ sở hữu.

Doanh nghiệp là một cách thức tổ chức hoạt động kinh tế của nhiều cá nhân. Có nhiều hoạt động kinh tế chỉ có thể thực hiện được bởi các doanh nghiệp chứ không phải các cá nhân.

Ở Việt Nam, theo Luật doanh nghiệp: doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh - tức là thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.

Các doanh nghiệp ở Việt Nam bao gồm: Doanh nghiệp Nhà nước, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, công ty liên doanh, doanh nghiệp tư nhân.

Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp bao gồm các chủ thể kinh doanh sau đây:

- Kinh doanh cá thể (sole proprietorship)
- Kinh doanh góp vốn (partnership)

- Công ty (corporation)

Kinh doanh cá thể

1. Là loại hình được thành lập đơn giản nhất, không cần phải có điều lệ chính thức và ít chịu sự quản lý của Nhà nước.

2. Không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp, tất cả lợi nhuận bị tính thuế thu nhập cá nhân.

3. Chủ doanh nghiệp chịu trách nhiệm vô hạn đối với các nghĩa vụ và các khoản nợ, không có sự tách biệt giữa tài sản cá nhân và tài sản của doanh nghiệp.

4. Thời gian hoạt động của doanh nghiệp phụ thuộc vào tuổi thọ của người chủ.

5. Khả năng thu hút vốn bị hạn chế bởi khả năng của người chủ.

Kinh doanh góp vốn:

1. Việc thành lập doanh nghiệp này dễ dàng và chi phí thành lập thấp. Đối với các hợp đồng phức tạp cần phải được viết tay. Một số trường hợp cần có giấy phép kinh doanh.

2. Các thành viên chính thức (general partners) có trách nhiệm vô hạn với các khoản nợ. Mỗi thành viên có trách nhiệm đối với phần tương ứng với phần vốn góp. Nếu như một thành viên không hoàn thành trách nhiệm trả nợ của mình, phần còn lại sẽ do các thành viên khác hoàn trả.

3. Doanh nghiệp tan vỡ khi một trong các thành viên chính thức chết hay rút vốn.

4. Khả năng về vốn hạn chế.

5. Lãi từ hoạt động kinh doanh của các thành viên phải chịu thuế thu nhập cá nhân.

Công ty

Công ty là loại hình doanh nghiệp mà ở đó có sự kết hợp ba loại lợi ích: các cổ đông (chủ sở hữu), của hội đồng quản trị và của các nhà quản lý. Theo truyền thống, cổ đông kiểm soát toàn bộ phương hướng, chính sách và hoạt động của công ty. Cổ đông bầu nên hội đồng quản trị, sau đó hội đồng

Chương 1: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp

quản trị lựa chọn ban quản lý. Các nhà quản lý quản lý hoạt động của công ty theo cách thức mang lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông. Việc tách rời quyền sở hữu khỏi các nhà quản lý mang lại cho công ty các ưu thế so với kinh doanh cá thể và góp vốn:

1. Quyền sở hữu có thể dễ dàng chuyển cho cổ đông mới.
2. Sự tồn tại của công ty không phụ thuộc vào sự thay đổi số lượng cổ đông.
3. Trách nhiệm của cổ đông chỉ giới hạn ở phần vốn mà cổ đông góp vào công ty (trách nhiệm hữu hạn).

Mỗi loại hình doanh nghiệp có những ưu, nhược điểm riêng và phù hợp với quy mô và trình độ phát triển nhất định. Hầu hết các doanh nghiệp lớn hoạt động với tư cách là các công ty. Đây là loại hình phát triển nhất của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu, có thể coi tất cả các loại hình đó là doanh nghiệp. Về nguyên tắc, nội dung quản lý tài chính doanh nghiệp là như nhau.

1.1.2. Môi trường hoạt động của doanh nghiệp

Để đạt được mức doanh lợi mong muốn, doanh nghiệp cần phải có những quyết định về tổ chức hoạt động sản xuất và vận hành quá trình trao đổi. Mọi quyết định đều phải gắn kết với môi trường xung quanh. Bao quanh doanh nghiệp là một môi trường kinh tế - xã hội phức tạp và luôn biến động. Có thể kể đến một số yếu tố khách quan tác động trực tiếp tới hoạt động của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp luôn phải đối đầu với công nghệ. Sự phát triển của công nghệ là một yếu tố góp phần thay đổi phương thức sản xuất, tạo ra nhiều kỹ thuật mới dẫn đến những thay đổi mạnh mẽ trong quản lý tài chính doanh nghiệp.

Doanh nghiệp là đối tượng quản lý của Nhà nước. Sự thất bại hay nói lỏng hoạt động của doanh nghiệp được điều chỉnh bằng luật và các văn bản quy phạm pháp luật, bằng cơ chế quản lý tài chính.

Doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường phải dự tính được khả năng xảy ra rủi ro, đặc biệt là rủi ro tài chính để có cách ứng phó kịp thời và đúng

đấn. Doanh nghiệp, với sức ép của thị trường cạnh tranh, phải chuyển dần từ chiến lược trọng cung cổ điển sang chiến lược trọng cầu hiện đại. Những đòi hỏi về chất lượng, mẫu mã, giá cả hàng hoá, về chất lượng dịch vụ ngày càng cao hơn, tinh tế hơn của khách hàng buộc các doanh nghiệp phải thường xuyên thay đổi chính sách sản phẩm, đảm bảo sản xuất - kinh doanh có hiệu quả và chất lượng cao.

Doanh nghiệp thường phải đáp ứng được đòi hỏi của các đối tác về mức vốn chủ sở hữu trong cơ cấu vốn. Sự tăng, giảm vốn chủ sở hữu có tác động đáng kể tới hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt trong các điều kiện kinh tế khác nhau.

Muốn phát triển bền vững, các doanh nghiệp phải làm chủ và dự đoán trước được sự thay đổi của môi trường để sẵn sàng thích nghi với nó. Trong môi trường đó, quan hệ tài chính của doanh nghiệp được thể hiện rất phong phú và đa dạng.

1.2. Khái niệm tài chính doanh nghiệp

Tài chính doanh nghiệp được hiểu là những quan hệ giá trị giữa doanh nghiệp với các chủ thể trong nền kinh tế. Các quan hệ tài chính doanh nghiệp chủ yếu bao gồm:

Quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước

Đây là mối quan hệ phát sinh khi doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, khi Nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp.

Quan hệ giữa doanh nghiệp với thị trường tài chính

Quan hệ này được thể hiện thông qua việc doanh nghiệp tìm kiếm các nguồn tài trợ. Trên thị trường tài chính, doanh nghiệp có thể vay ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu vốn ngắn hạn, có thể phát hành cổ phiếu và trái phiếu để đáp ứng nhu cầu vốn dài hạn. Ngược lại, doanh nghiệp phải trả lãi vay và vốn vay, trả lãi cổ phần cho các nhà tài trợ. Doanh nghiệp cũng có thể gửi tiền vào ngân hàng, đầu tư chứng khoán bằng số tiền tạm thời chưa sử dụng.

Quan hệ giữa doanh nghiệp với các thị trường khác

Trong nền kinh tế, doanh nghiệp có quan hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp khác trên thị trường hàng hoá, dịch vụ, thị trường sức lao động. Đây là những thị trường mà tại đó doanh nghiệp tiến hành mua sắm máy móc

thiết bị, nhà xưởng, tìm kiếm lao động v.v... Điều quan trọng là thông qua thị trường, doanh nghiệp có thể xác định được nhu cầu hàng hoá và dịch vụ cần thiết cung ứng. Trên cơ sở đó, doanh nghiệp hoạch định ngân sách đầu tư, kế hoạch sản xuất, tiếp thị nhằm thoả mãn nhu cầu thị trường.

Quan hệ trong nội bộ doanh nghiệp

Đây là quan hệ giữa các bộ phận sản xuất - kinh doanh, giữa cổ đông và người quản lý, giữa cổ đông và chủ nợ, giữa quyền sử dụng vốn và quyền sở hữu vốn. Các mối quan hệ này được thể hiện thông qua hàng loạt chính sách của doanh nghiệp như: chính sách cổ tức (phân phối thu nhập), chính sách đầu tư, chính sách về cơ cấu vốn, chi phí v.v...

1.3. Cơ sở tài chính doanh nghiệp và các dòng tiền

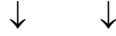
Một doanh nghiệp, muốn tiến hành hoạt động sản xuất - kinh doanh, cần phải có một lượng tài sản phản ánh bên tài sản của Bảng cân đối kế toán. Nếu như toàn bộ tài sản do doanh nghiệp nắm giữ được đánh giá tại một thời điểm nhất định thì sự vận động của chúng - kết quả của quá trình trao đổi - chỉ có thể được xác định cho một thời kỳ nhất định và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh. Quá trình hoạt động của các doanh nghiệp có sự khác biệt đáng kể về quy trình công nghệ và tính chất hoạt động. Sự khác biệt này phần lớn do đặc điểm kinh tế, kỹ thuật của từng doanh nghiệp quyết định. Cho dù có sự khác biệt này, người ta vẫn có thể khái quát những nét chung nhất của các doanh nghiệp bằng hàng hoá dịch vụ đầu vào và hàng hoá dịch vụ đầu ra.

Một hàng hoá dịch vụ đầu vào hay một yếu tố sản xuất là một hàng hóa hay dịch vụ mà các nhà doanh nghiệp mua sắm để sử dụng trong quá trình sản xuất - kinh doanh của họ. Các hàng hoá dịch vụ đầu vào được kết hợp với nhau để tạo ra các hàng hoá dịch vụ đầu ra - đó là hàng loạt các hàng hóa, dịch vụ có ích được tiêu dùng hoặc được sử dụng cho quá trình sản xuất - kinh doanh khác. Như vậy, trong một thời kỳ nhất định, các doanh nghiệp đã chuyển hóa các hàng hoá dịch vụ đầu vào thành các hàng hoá dịch vụ đầu ra để trao đổi (bán). Mối quan hệ giữa tài sản hiện có và hàng hoá dịch vụ đầu vào, hàng hoá dịch vụ đầu ra (tức là quan hệ giữa bảng Cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh) có thể được mô tả như sau:

Hàng hóa và dịch vụ (mua vào)



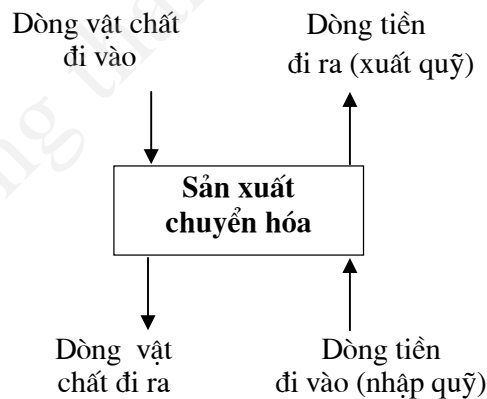
Sản xuất - chuyển hóa



Hàng hóa và dịch vụ (bán ra)

Trong số các tài sản mà doanh nghiệp nắm giữ có một loại tài sản đặc biệt - đó là tiền. Chính dự trữ tiền cho phép doanh nghiệp mua các hàng hóa, dịch vụ cần thiết để tạo ra những hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho mục đích trao đổi. Mọi quá trình trao đổi đều được thực hiện thông qua trung gian là tiền và khái niệm dòng vật chất và dòng tiền phát sinh từ đó, tức là sự dịch chuyển hàng hóa, dịch vụ và sự dịch chuyển tiền giữa các đơn vị, tổ chức kinh tế.

Như vậy, tương ứng với dòng vật chất đi vào (hàng hóa, dịch vụ đầu vào) là dòng tiền đi ra; ngược lại, tương ứng với dòng vật chất đi ra (hàng hóa, dịch vụ đầu ra) là dòng tiền đi vào. Quy trình này được mô tả qua sơ đồ sau:



Sản xuất, chuyển hóa là một quá trình công nghệ. Một mặt, nó được đặc trưng bởi thời gian chuyển hóa hàng hóa và dịch vụ, mặt khác, nó được đặc trưng bởi các yếu tố cần thiết cho sự vận hành - đó là tư liệu lao động và sức lao động. Quá trình công nghệ này có tác dụng quyết định tới cơ cấu vốn và hoạt động trao đổi của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp thực hiện hoạt động trao đổi hoặc với thị trường cung cấp hàng hoá dịch vụ đầu vào hoặc với thị trường phân phối, tiêu thụ hàng hoá dịch vụ đầu ra và tùy thuộc vào tính chất hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp. Các quan hệ tài chính của doanh nghiệp được phát sinh từ chính quá trình trao đổi đó. Quá trình này quyết định sự vận hành của sản xuất và làm thay đổi cơ cấu vốn của doanh nghiệp. Phân tích các quan hệ tài chính của doanh nghiệp cần dựa trên hai khái niệm căn bản là dòng và dự trữ. Dòng chỉ xuất hiện trên cơ sở tích lũy ban đầu những hàng hóa, dịch vụ hoặc tiền trong mỗi doanh nghiệp và nó sẽ làm thay đổi khối lượng tài sản tích lũy của doanh nghiệp. Một khối lượng tài sản, hàng hóa hoặc tiền được đo tại một thời điểm là một khoản dự trữ. Trong khi một khoản dự trữ chỉ có ý nghĩa tại một thời điểm nhất định thì các dòng chỉ được đo trong một thời kỳ nhất định. Quan hệ giữa dòng và dự trữ là cơ sở nền tảng của tài chính doanh nghiệp. Tùy thuộc vào bản chất khác nhau của các dòng và dự trữ, người ta phân biệt dòng tiền đối trọng và dòng tiền độc lập.

- Dòng tiền đối trọng

Dòng tiền đối trọng trực tiếp: là dòng tiền chỉ xuất hiện đối trọng với dòng hàng hóa, dịch vụ. Đây là trường hợp đơn giản nhất trong doanh nghiệp - thanh toán ngay. Tại thời điểm t_0 mỗi doanh nghiệp có trong tay những tài sản thực và tiền. Giả sử hoạt động trao đổi diễn ra giữa hai doanh nghiệp A và B tại thời điểm t_1 : Tại thời điểm này, doanh nghiệp A trao đổi tài sản thực cho doanh nghiệp B (bán hàng cho doanh nghiệp B) để lấy tiền (một dòng vật chất đi từ doanh nghiệp A sang doanh nghiệp B), còn doanh nghiệp B chuyển tiền cho A (mua hàng của doanh nghiệp A) để lấy hàng (một dòng tiền đi từ doanh nghiệp B sang doanh nghiệp A).

Dòng tiền đối trọng có kỳ hạn: đây là trường hợp phổ biến nhất trong hoạt động của doanh nghiệp. Doanh nghiệp A bán hàng hoá dịch vụ cho doanh nghiệp B ở thời điểm t_1 , doanh nghiệp B trả tiền cho doanh nghiệp A ở thời điểm t_2 . Dòng tiền ở thời điểm t_2 tương ứng với dòng hàng hóa, dịch vụ ở thời điểm t_1 . Trong thời kỳ t_1, t_2 , trạng thái cân bằng dự trữ của mỗi doanh nghiệp bị phá vỡ. Trạng thái cân bằng này được lập lại thông qua việc tạo ra một tài sản tài chính tức là quyền sử dụng hợp pháp một trái quyền

(quyền đòi nợ) hoặc một khoản nợ. Trong trường hợp này, dự trữ tài sản thực của doanh nghiệp A bị giảm đi, nhưng đổi lại, doanh nghiệp A có một trái quyền đối với doanh nghiệp B trong thời gian $t_1 - t_2$ cho tới lúc dòng tiền xuất hiện ở thời điểm t_2 . Đối với doanh nghiệp B, việc nắm giữ một tài sản thực đã làm phát sinh một khoản nợ cho đến khi dòng tiền xuất hiện ở thời điểm t_2 , cặp Trái quyền - Nợ được giải quyết một cách trọn vẹn.

Dòng tiền đối trọng đa dạng: để khắc phục sự mất cân đối ngân quỹ, đảm bảo khả năng chi trả thông qua thiết lập ngân quỹ tối ưu, doanh nghiệp có thể chiết khấu, nhượng bán trái quyền cho một tổ chức tài chính trung gian hoặc dùng trái quyền như một tài sản thế chấp cho một món vay tùy theo những điều kiện cụ thể. Như vậy, tài sản tài chính - trái quyền - có thể làm đối tượng giao dịch. Đây là một hiện tượng quan trọng và phổ biến trong nền kinh tế thị trường.

- Dòng tiền độc lập

Đây là dòng tiền phát sinh từ các nghiệp vụ tài chính thuần túy: kinh doanh tiền, kinh doanh chứng khoán.

Như vậy, sự ra đời, vận hành và phát triển của doanh nghiệp làm phát sinh một hệ thống các dòng hàng hoá, dịch vụ và các dòng tiền, chúng thường xuyên làm thay đổi khối lượng, cơ cấu tài sản thực và tài sản tài chính (trái quyền và nợ) của doanh nghiệp.

1.4. Các nội dung cơ bản về quản lý tài chính doanh nghiệp

Các quan hệ tài chính doanh nghiệp được thể hiện trong cả quá trình sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp.

Để tiến hành sản xuất - kinh doanh, nhà doanh nghiệp phải xử lý các quan hệ tài chính thông qua phương thức giải quyết ba vấn đề quan trọng sau đây:

Thứ nhất: nên đầu tư dài hạn vào đâu và bao nhiêu cho phù hợp với loại hình sản xuất kinh doanh lựa chọn. Đây chính là chiến lược đầu tư dài hạn của doanh nghiệp và là cơ sở để dự toán vốn đầu tư.

Thứ hai: nguồn vốn đầu tư mà nhà doanh nghiệp có thể khai thác là nguồn nào?

Thứ ba: nhà doanh nghiệp sẽ quản lý hoạt động tài chính hàng ngày như thế nào? Chẳng hạn, việc thu tiền từ khách hàng và trả tiền cho nhà cung cấp? Đây là các quyết định tài chính ngắn hạn và chúng liên quan chặt chẽ tới quản lý tài sản lưu động của doanh nghiệp.

Ba vấn đề trên không phải là tất cả mọi vấn đề về tài chính doanh nghiệp, nhưng đó là ba vấn đề lớn nhất và quan trọng nhất. Nghiên cứu tài chính doanh nghiệp thực chất là nghiên cứu cách thức giải quyết ba vấn đề đó.

Đối với một doanh nghiệp, chủ sở hữu (cổ đông) thường không trực tiếp đưa ra các quyết định kinh doanh, mà doanh nghiệp thường thuê các nhà quản lý đại diện cho lợi ích của chủ sở hữu và thay mặt họ đưa ra các quyết định. Trong trường hợp này, nhà quản lý tài chính có trách nhiệm đưa ra lời giải cho ba vấn đề nêu trên. Chẳng hạn, để sản xuất, tiêu thụ một hàng hóa nào đó, doanh nghiệp thuê nhà quản lý mua sắm các yếu tố vật chất cần thiết như máy móc, thiết bị, dự trữ, đất đai và lao động. Điều đó có nghĩa là doanh nghiệp đã đầu tư vào các tài sản. Tài sản của một doanh nghiệp được phản ánh bên trái của Bảng cân đối kế toán và được cấu thành từ tài sản lưu động và tài sản cố định. Tài sản cố định là những tài sản có thời gian sử dụng dài và thường bao gồm tài sản hữu hình và tài sản vô hình. Tài sản lưu động thường có thời gian sử dụng ngắn, thành phần chủ yếu của nó là dự trữ, các khoản phải thu (tín dụng khách hàng) và tiền.

Để đầu tư vào các tài sản, doanh nghiệp phải có vốn, có nghĩa là phải có tiền để đầu tư. Một doanh nghiệp có thể huy động vốn bằng cách phát hành cổ phiếu hoặc vay nợ dài hạn, ngắn hạn. Nợ ngắn hạn có thời hạn dưới một năm. Nợ dài hạn là khoản nợ có thời hạn trên một năm. Vốn chủ sở hữu (vốn tự có) là khoản chênh lệch giữa giá trị của toàn bộ tài sản và nợ của doanh nghiệp. Các nguồn vốn của một doanh nghiệp được phản ánh bên phải của Bảng cân đối kế toán.

Như vậy, một doanh nghiệp nên đầu tư dài hạn vào những tài sản nào? Câu hỏi này liên quan đến bên trái bảng Cân đối kế toán. Giải đáp cho vấn đề này là dự toán vốn đầu tư - đó là quá trình kế hoạch hóa và quản lý đầu tư dài hạn của doanh nghiệp. Trong quá trình này, nhà quản lý tài chính phải tìm kiếm cơ hội đầu tư sao cho thu nhập do đầu tư đem lại lớn hơn chi phí đầu tư. Điều đó có nghĩa là, giá trị hiện tại các dòng tiền do các tài sản tạo ra

phải lớn hơn giá trị hiện tại các khoản chi phí hình thành các tài sản đó. Tất nhiên, việc lựa chọn loại tài sản và cơ cấu tài sản hoàn toàn tùy thuộc vào đặc điểm của từng loại hình kinh doanh.

Nhà quản lý tài chính không phải chỉ quan tâm tới việc sẽ nhận được bao nhiêu tiền mà còn phải quan tâm tới việc khi nào nhận được và nhận được như thế nào. Đánh giá quy mô, thời hạn và rủi ro của các dòng tiền trong tương lai là vấn đề cốt lõi của quá trình dự toán vốn đầu tư. Nội dung cụ thể sẽ được đề cập trong một chương của cuốn sách này.

Doanh nghiệp có thể có được vốn bằng cách nào để đầu tư dài hạn? Vấn đề này liên quan đến bên phải bảng Cân đối kế toán, liên quan đến cơ cấu vốn của doanh nghiệp. Cơ cấu vốn của doanh nghiệp thể hiện tỷ trọng của nợ và vốn của chủ (Vốn tự có) do chủ nợ và cổ đông cung ứng. Nhà quản lý tài chính phải cân nhắc, tính toán để quyết định doanh nghiệp nên vay bao nhiêu? Một cơ cấu giữa nợ và vốn của chủ như thế nào là tốt nhất? Nguồn vốn nào là thích hợp đối với doanh nghiệp?

Vấn đề thứ ba liên quan tới quản lý tài sản lưu động, tức là quản lý các tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp. Hoạt động tài chính ngắn hạn gắn liền với các dòng tiền nhập quỹ và dòng tiền xuất quỹ. Nhà quản lý tài chính cần phải xử lý sự lệch pha của các dòng tiền. Quản lý ngắn hạn các dòng tiền không thể tách rời với vốn lưu động ròng của doanh nghiệp. Vốn lưu động ròng được xác định là khoản chênh lệch giữa tài sản lưu động và nợ ngắn hạn. Một số vấn đề về quản lý tài sản lưu động sẽ được làm rõ như: doanh nghiệp nên nắm giữ bao nhiêu tiền và dự trữ? Doanh nghiệp có nên bán chịu không? Nếu bán chịu thì nên bán với thời hạn nào? Doanh nghiệp sẽ tài trợ ngắn hạn bằng cách nào? Mua chịu hay vay ngắn hạn và trả tiền ngay? Nếu vay ngắn hạn thì doanh nghiệp nên vay ở đâu và vay như thế nào?

Ba vấn đề về quản lý tài chính doanh nghiệp: dự toán vốn đầu tư dài hạn, cơ cấu vốn và quản lý tài sản lưu động là những vấn đề bao trùm nhất. Mỗi vấn đề trên lại bao gồm nhiều nội dung, nhiều khía cạnh. Trong các chương sau này, những nội dung cơ bản của từng vấn đề sẽ được đề cập một cách cụ thể.

1.5. Mục tiêu quản lý tài chính doanh nghiệp

Một doanh nghiệp tồn tại và phát triển vì nhiều mục tiêu khác nhau như: tối đa hoá lợi nhuận, tối đa hoá doanh thu trong ràng buộc tối đa hoá lợi nhuận, tối đa hoá hoạt động hữu ích của các nhà lãnh đạo doanh nghiệp v.v..., song tất cả các mục tiêu cụ thể đó đều nhằm mục tiêu bao trùm nhất là tối đa hoá giá trị tài sản cho các chủ sở hữu. Bởi lẽ, một doanh nghiệp phải thuộc về các chủ sở hữu nhất định; chính họ phải nhận thấy giá trị đầu tư của họ tăng lên; khi doanh nghiệp đặt ra mục tiêu là tăng giá trị tài sản cho chủ sở hữu, doanh nghiệp đã tính tới sự biến động của thị trường, các rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Quản lý tài chính doanh nghiệp chính là nhằm thực hiện được mục tiêu đó.

Các quyết định tài chính trong doanh nghiệp: Quyết định đầu tư, quyết định huy động vốn, quyết định về phân phối, ngân quỹ có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Trong quản lý tài chính, nhà quản lý phải cân nhắc các yếu tố bên trong và các yếu tố bên ngoài để đưa ra các quyết định làm tăng giá trị tài sản của chủ sở hữu, phù hợp với lợi ích của chủ sở hữu.

1.6. Vai trò quản lý tài chính doanh nghiệp

Quản lý tài chính luôn luôn giữ một vị trí trọng yếu trong hoạt động quản lý của doanh nghiệp, nó quyết định tính độc lập, sự thành bại của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh. Đặc biệt trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế, trong điều kiện cạnh tranh đang diễn ra khốc liệt trên phạm vi toàn thế giới, quản lý tài chính trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Bất kỳ ai liên kết, hợp tác với doanh nghiệp cũng sẽ được hưởng lợi nếu như quản lý tài chính của doanh nghiệp có hiệu quả, ngược lại, họ sẽ bị thua thiệt khi quản lý tài chính kém hiệu quả.

Quản lý tài chính là sự tác động của nhà quản lý tới các hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Nó được thực hiện thông qua một cơ chế. Đó là cơ chế quản lý tài chính doanh nghiệp. Cơ chế quản lý tài chính doanh nghiệp được hiểu là một tổng thể các phương pháp, các hình thức và công cụ được vận dụng để quản lý các hoạt động tài chính của doanh nghiệp trong những điều kiện cụ thể nhằm đạt được những mục tiêu nhất định.

Nội dung chủ yếu của cơ chế quản lý tài chính doanh nghiệp bao gồm: cơ chế quản lý tài sản; cơ chế huy động vốn; cơ chế quản lý doanh thu, chi phí và lợi nhuận; cơ chế kiểm soát tài chính của doanh nghiệp.

Trong các quyết định của doanh nghiệp, vấn đề cần được quan tâm giải quyết không chỉ là lợi ích của cổ đông và nhà quản lý mà còn cả lợi ích của người làm công, khách hàng, nhà cung cấp và Chính phủ. Đó là nhóm người có nhu cầu tiềm năng về các dòng tiền của doanh nghiệp. Giải quyết vấn đề này liên quan tới các quyết định đối với bộ phận trong doanh nghiệp và các quyết định giữa doanh nghiệp với các đối tác ngoài doanh nghiệp. Do vậy, nhà quản lý tài chính, mặc dù có trách nhiệm nặng nề về hoạt động nội bộ của doanh nghiệp vẫn phải lưu ý đến sự nhìn nhận, đánh giá của người ngoài doanh nghiệp như cổ đông, chủ nợ, khách hàng, Nhà nước vv,...

Do quản lý tài chính có thể được nhìn nhận trên giác độ của nhà quản lý bên ngoài đối với doanh nghiệp và trên giác độ của nhà quản lý trong doanh nghiệp nên có hai cách tiếp cận về cơ chế quản lý tài chính doanh nghiệp: cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp và cơ chế quản lý tài chính trong doanh nghiệp.

Giáo trình Tài chính doanh nghiệp, xuất phát từ cơ sở đó, được viết theo quan điểm của người trong doanh nghiệp và người ngoài doanh nghiệp. Lẽ đương nhiên, vì nhà quản lý tài chính chịu trách nhiệm trực tiếp về mọi hoạt động tài chính của doanh nghiệp nên quan điểm của người trong doanh nghiệp cần được nhấn mạnh hơn.

Quản lý tài chính là một hoạt động có mối liên hệ chặt chẽ với mọi hoạt động khác của doanh nghiệp. Quản lý tài chính tốt có thể khắc phục được những khiếm khuyết trong trong các lĩnh vực khác. Một quyết định tài chính không được cân nhắc, hoạch định kỹ lưỡng có thể gây nên tổn thất khôn lường cho doanh nghiệp và cho nền kinh tế. Hơn nữa, do doanh nghiệp hoạt động trong một môi trường nhất định nên các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả sẽ góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Bởi vậy, quản lý tài chính doanh nghiệp tốt có vai trò quan trọng đối với việc nâng cao hiệu quả quản lý tài chính quốc gia.

1.7. Nguyên tắc quản lý tài chính doanh nghiệp

Hoạt động tài chính của doanh nghiệp dù nhỏ hay lớn căn bản là giống nhau nên nguyên tắc quản lý tài chính đều có thể áp dụng chung cho các loại hình doanh nghiệp. Tuy nhiên, giữa các doanh nghiệp khác nhau cũng

Chương 1: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp

có sự khác biệt nhất định nên khi áp dụng nguyên tắc quản lý tài chính phải gắn với những điều kiện cụ thể.

**** Nguyên tắc đánh đổi rủi ro và lợi nhuận***

Quản lý tài chính phải được dựa trên quan hệ giữa rủi ro và lợi nhuận. Nhà đầu tư có thể lựa chọn những đầu tư khác nhau tùy thuộc vào mức độ rủi ro mà họ chấp nhận và lợi nhuận kỳ vọng mà họ mong muốn. Khi họ bỏ tiền vào những dự án có mức độ rủi ro cao, họ hy vọng dự án đem lại lợi nhuận kỳ vọng cao.

**** Nguyên tắc giá trị thời gian của tiền***

Để đo lường giá trị tài sản của chủ sở hữu, cần sử dụng khái niệm giá trị thời gian của tiền, tức là phải đưa lợi ích và chi phí của dự án về một thời điểm, thường là thời điểm hiện tại. Theo quan điểm của nhà đầu tư, dự án được chấp nhận khi lợi ích lớn hơn chi phí. Trong trường hợp này, chi phí cơ hội của vốn được đề cập như là tỷ lệ chiết khấu.

**** Nguyên tắc chi trả***

Trong hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp cần bảo đảm mức ngân quỹ tối thiểu để thực hiện chi trả. Do vậy, điều đáng quan tâm ở các doanh nghiệp là các dòng tiền chứ không phải lợi nhuận kế toán. Dòng tiền ra và dòng tiền vào được tái đầu tư phản ánh tính chất thời gian của lợi nhuận và chi phí. Không những thế, khi đưa ra các quyết định kinh doanh, nhà doanh nghiệp cần tính đến dòng tiền tăng thêm, đặc biệt cần tính đến các dòng tiền sau thuế.

**** Nguyên tắc sinh lợi***

Nguyên tắc quan trọng đối với nhà quản lý tài chính không chỉ là đánh giá các dòng tiền mà dự án đem lại mà còn là tạo ra các dòng tiền, tức là tìm kiếm các dự án sinh lợi. Trong thị trường cạnh tranh, nhà đầu tư khó có thể kiếm được nhiều lợi nhuận trong một thời gian dài, khó có thể tìm kiếm được nhiều dự án tốt. Muốn vậy, cần phải biết các dự án sinh lợi tồn tại như thế nào và ở đâu trong môi trường cạnh tranh. Tiếp đến, khi đầu tư, nhà đầu tư phải biết làm giảm tính cạnh tranh của thị trường thông qua việc tạo ra

những sản phẩm khác biệt với sản phẩm cạnh tranh và bằng cách đảm bảo mức chi phí thấp hơn mức chi phí cạnh tranh.

**** Nguyên tắc thị trường có hiệu quả***

Trong kinh doanh, những quyết định nhằm tối đa hoá giá trị tài sản của các chủ sở hữu làm thị giá cổ phiếu tăng. Như vậy, khi đưa ra các quyết định tài chính hoặc định giá chứng khoán, cần hiểu rõ khái niệm thị trường có hiệu quả. Thị trường có hiệu quả là thị trường mà ở đó giá trị của các tài sản tại bất kỳ một thời điểm nào đều phản ánh đầy đủ các thông tin một cách công khai. Trong thị trường có hiệu quả, giá cả được xác định chính xác. Thị giá cổ phiếu phản ánh tất cả những thông tin sẵn có và công khai về giá trị của một doanh nghiệp. Điều đó có nghĩa là mục tiêu tối đa hoá giá trị tài sản của các cổ đông có thể đạt được trong những điều kiện nhất định bằng cách nghiên cứu tác động của các quyết định tới thị giá cổ phiếu.

**** Gắn kết lợi ích của người quản lý với lợi ích của cổ đông***

Nhà quản lý tài chính chịu trách nhiệm phân tích, kế hoạch hóa tài chính, quản lý ngân quỹ, chỉ tiêu cho đầu tư và kiểm soát. Do đó, nhà quản lý tài chính thường giữ địa vị cao trong cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp và thẩm quyền tài chính ít khi được phân quyền hoặc uỷ quyền cho cấp dưới.

Nhà quản lý tài chính chịu trách nhiệm điều hành hoạt động tài chính và thường đưa ra các quyết định tài chính trên cơ sở các nghiệp vụ tài chính thường ngày do các nhân viên cấp thấp hơn phụ trách. Các quyết định và hoạt động của nhà quản lý tài chính đều nhằm vào các mục tiêu của doanh nghiệp: đó là sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, tránh được sự căng thẳng về tài chính và phá sản, có khả năng cạnh tranh và chiếm được thị phần tối đa trên thương trường, tối thiểu hóa chi phí, và tăng thu nhập của chủ sở hữu một cách vững chắc. Nhà quản lý tài chính đưa ra các quyết định vì lợi ích của các cổ đông của doanh nghiệp. Vì vậy, để làm rõ mục tiêu quản lý tài chính, cần phải trả lời một câu hỏi cơ bản hơn: theo quan điểm của cổ đông, một quyết định quản lý tài chính tốt là gì?

Nếu giả sử các cổ đông mua cổ phiếu vì họ tìm kiếm lợi ích tài chính thì khi đó, câu trả lời hiển nhiên là: quyết định tốt là quyết định làm tăng giá

trị thị trường của cổ phiếu, còn quyết định yếu kém là quyết định làm giảm giá trị thị trường của cổ phiếu. Như vậy, nhà quản lý tài chính hành động vì lợi ích tốt nhất của cổ đông bằng các quyết định làm tăng giá trị thị trường cổ phiếu. Mục tiêu của quản lý tài chính là tối đa hóa giá trị hiện hành trên một cổ phiếu, là tăng giá trị của doanh nghiệp. Do đó, phải xác định được kế hoạch đầu tư và tài trợ sao cho giá trị cổ phiếu có thể được tăng lên. Trên thực tế, hành động của nhà quản lý vì lợi ích tốt nhất của cổ đông phụ thuộc vào hai yếu tố. *Thứ nhất*, mục tiêu quản lý có sát với mục tiêu của cổ đông không? Điều này liên quan tới cách khen thưởng, trợ cấp quản lý. *Thứ hai*, nhà quản lý có thể bị thay thế nếu họ không theo đuổi mục tiêu của cổ đông? Vấn đề này liên quan tới hoạt động kiểm soát của doanh nghiệp. Như vậy, dù thế nào, nhà quản lý cũng không thể hành động khác được, họ có đầy đủ lý do để đem lại lợi ích cho các cổ đông.

*** Tác động của thuế**

Trước khi đưa ra bất kỳ một quyết định tài chính nào, nhà quản lý tài chính luôn tính tới tác động của thuế, đặc biệt là thuế thu nhập doanh nghiệp. Khi xem xét một quyết định đầu tư, doanh nghiệp phải tính tới lợi ích thu được trên cơ sở dòng tiền sau thuế do dự án tạo ra. Hơn nữa, tác động của thuế cần được phân tích kỹ lưỡng khi thiết lập cơ cấu vốn của doanh nghiệp. Bởi lẽ, khoản nợ có một lợi thế nhất định về chi phí so với vốn chủ sở hữu. Đối với doanh nghiệp, chi phí trả lãi là chi phí giảm thuế. Vì thuế là một công cụ quản lý vĩ mô của Chính phủ nên thông qua thuế, Chính phủ có thể khuyến khích hoặc hạn chế tiêu dùng và đầu tư. Các doanh nghiệp cần cân nhắc, tính toán để điều chỉnh các quyết định tài chính cho phù hợp, đảm bảo được lợi ích của các cổ đông.

Ngoài ra, trong quản lý tài chính nói chung và quản lý tài chính doanh nghiệp nói riêng, nguyên tắc hành vi đạo đức và trách nhiệm đối với xã hội có vị trí tối quan trọng. Hành vi đạo đức có nghĩa là việc làm đúng đắn. Mặc dù khó có thể định nghĩa được “việc làm đúng đắn”, nhưng mỗi người có một thước đo giá trị để làm nền tảng cho hành vi của mình, điều gì đúng để làm. Trong một chừng mực nào đó, có thể coi luật lệ, quy tắc phản ánh tiêu chuẩn xử sự trong xã hội mà nhà quản lý tài chính phải tuân theo. Những hành vi vô đạo đức sẽ làm mất niềm tin, mà thiếu niềm tin thì doanh nghiệp không thể thực hiện được hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, nhà quản lý

tài chính doanh nghiệp cũng cần có trách nhiệm đối với xã hội ngoài việc tối đa giá trị tài sản cho các cổ đông.

1.8. Bộ máy quản lý tài chính

Quản lý tài chính là hoạt động có tầm quan trọng số một trong hoạt động của doanh nghiệp. Quản lý tài chính thường thuộc về nhà lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp như phó tổng giám đốc thứ nhất hoặc giám đốc tài chính. Đôi khi chính tổng giám đốc làm nhiệm vụ của nhà quản lý tài chính. Trong các doanh nghiệp lớn, các quyết định quan trọng về tài chính thường do một uỷ ban tài chính đưa ra. Trong các doanh nghiệp nhỏ, chính chủ nhân - tổng giám đốc đảm nhận quản lý hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó là cả một bộ máy - Phòng, ban tài chính với kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ - phục vụ nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho quá trình ra quyết định một cách chính xác và kịp thời và giúp giám đốc tài chính điều hành chung hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

Phòng, ban tài chính có nhiệm vụ:

Trên cơ sở luật và chế độ quản lý tài chính của Nhà nước, xây dựng chế độ quản lý tài chính thích hợp với doanh nghiệp cụ thể.

Lập kế hoạch tài chính đồng thời và thống nhất với kết quả sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp.

Lựa chọn các phương thức huy động vốn và đầu tư có hiệu quả nhất.

Tổ chức thanh toán kịp thời, đầy đủ, đúng hạn và đúng chế độ các khoản nợ và đôn đốc thu nợ.

Tổ chức phân tích tài chính doanh nghiệp và kiểm tra tài chính.

Tham gia xây dựng giá bán và thiết lập các hợp đồng kinh tế với khách hàng.

Trong giáo trình này, các tác giả đề cập tới các vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về quản lý tài chính của một doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và chú trọng nhiều hơn tới hình thái tổ chức kinh doanh khá quan trọng và phổ biến hiện nay - đó là công ty cổ phần. Hoạt động quản lý tài chính doanh nghiệp cần được tuân theo những nguyên tắc nhất định và thường hướng vào những khía cạnh chủ yếu như: tầm vóc, quy mô phát triển

Chương 1: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp

doanh nghiệp, các hình thức nắm giữ tài sản của doanh nghiệp, thành phần và kết cấu nguồn tài trợ của doanh nghiệp v.v...

Đây chính là các nội dung sẽ được đề cập trong từng chương cụ thể của giáo trình.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Vị trí của doanh nghiệp trong hệ thống tài chính?
2. Cơ sở nền tảng của hoạt động tài chính doanh nghiệp?
3. Mục tiêu nghiên cứu tài chính doanh nghiệp?
4. Khái niệm tài chính doanh nghiệp và các quan hệ tài chính doanh nghiệp?
5. Nội dung cơ bản về quản lý tài chính doanh nghiệp?
6. Nhận xét về cơ chế quản lý tài chính đối với các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay.
7. Nguyên tắc quản lý tài chính doanh nghiệp? Liên hệ thực tiễn Việt Nam.